



Bài báo nghiên cứu

VỀ MỘT SỐ MIỀN NGUỒN PHỔ BIẾN TRONG DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ TIẾNG ANH MỸ

Nguyễn Xuân Hồng

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: Nguyễn Xuân Hồng – Email: nguyensexuanhong@juh.edu.vn

Ngày nhận bài: 29-8-2019; ngày nhận bài sửa: 18-9-2019; ngày duyệt đăng: 15-10-2019

TÓM TẮT

Bài viết miêu tả, nhận xét một số miền nguồn phổ biến trong diễn ngôn chính trị của Mỹ, nhằm làm rõ vai trò của miền nguồn trong việc chi phối cách thức phạm trù hóa và ý niệm hóa thông qua các ẩn dụ ý niệm. Kết quả khảo sát 257 ẩn dụ trong 57 diễn ngôn chính trị của Mỹ cho thấy miền nguồn động thực vật có nhiều biểu thức ẩn dụ nhất, kế đến là các miền nguồn máy móc, thể thao, thời tiết và sức khỏe.

Từ khóa: ẩn dụ; diễn ngôn chính trị; miền nguồn; phạm trù hóa; ý niệm hóa

1. Đặt vấn đề

Dựa vào thành tựu nghiên cứu của phương Tây, ẩn dụ ý niệm các loại trong mối tương quan giữa miền nguồn và miền đích kiểu như *tình yêu là một cuộc hành trình, thời gian là tiền bạc...* đã được giới Việt ngữ học khai thác rất nhiều. Tuy nhiên, như nhiều nhà tri nhận luận đã chỉ ra, trong quá trình tương tác, con người thường phóng chiếu hình bóng của mình lên tự nhiên, đến lượt nó, tự nhiên không thể không tác động đến con người. Và đối với một cộng đồng diễn ngôn, mảng hiện thực nào gần gũi, thường chúng xuất hiện trước nhất, nhiều nhất và có tầm tác động lớn nhất trong giao tiếp. Với ý nghĩa đó, gần đây, giới học giả thường chú ý đến mối tương quan giữa miền nguồn và miền đích trong quá trình hình thành ý niệm. Nói cách khác, sự xuất hiện của loại miền nguồn nào, phổ biến hay không phổ biến, phổ quát hay đặc thù thường là có lí do (Deigman, 1995; Kövecses, 2005, 2010; Urbonaitė, & Šeškauskienė, 2007; Żolnowska, 2011; Trinh, 2016a, 2016b, 2019).

Trên cứ liệu 57 bài diễn ngôn chính trị của các chính trị gia Mỹ, tạm thời không phân biệt ẩn dụ ý niệm với ẩn dụ ngôn ngữ, không kể đến một số miền nguồn khác xuất hiện với tần suất thấp, theo ghi chép bước đầu của chúng tôi, có 257 biểu thức ẩn dụ xuất phát từ các miền nguồn với tỉ lệ sau đây: động thực vật (71/257, 27,6%), máy móc (65/257, 25,3%), thể thao (61/257, 23,7%), thời tiết (37/257, 14,4%) và sức khỏe (23/257, 8,9%).

Cite this article as: Nguyen Xuan Hong (2020). About some common source domains in American English political discourse. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(1), 101-106.

Bài viết này sẽ phân tích 5 miền nguồn vừa đề cập.

2. Miền nguồn Động thực vật

2.1. Xem xét các ví dụ sau:

Ví dụ 1: “Illegal immigrants with criminal records ordered deported from our country are tonight **roaming** free.” (Tạm dịch: Những người nhập cư bất hợp pháp với lý lịch phạm tội lẽ ra phải bị trục xuất khỏi nước Mỹ đang **đi lang thang** tối hôm nay.) (Donald Trump, *Nomination Acceptance Speech*, 22/7/2016)

Ví dụ 2: “I will **harness** the creative talents of our people.” (Tạm dịch: Tôi sẽ **khai thác** tài năng sáng tạo của người dân Mỹ.) (Donald Trump, *Victory Speech*, 09/11/2016)

Các động từ như *roam* (*đi lang thang*) và *harness* (*đóng yên cương cho ngựa*) nghĩa gốc vốn liên quan đến động vật. Tuy nhiên, chúng lại được sử dụng để ý niệm hóa các hoạt động của con người. Tất cả đều xuất phát từ ẩn dụ *people are animals* (*con người là động vật*). Từ đây, không lạ khi thấy Donald Trump hay sử dụng các ẩn dụ bậc dưới có tính cực đoan như: *illegal immigrants are animals* (*người nhập cư bất hợp pháp là động vật hoang dã*), *a terrorist is an animal* (*khủng bố là một con vật*), *critical actions of humans are behaviors of animals* (*hành động xấu của con người là hành động của con vật*). Cách ý niệm hóa như thế, rõ ràng là rất phổ biến trong văn hóa Mỹ, kiểu như *energies, industries and technologies are draft horses* (*năng lượng, công nghiệp và kỹ thuật là những con ngựa kéo*), *companies are lions* (*công ti là những con sư tử*), *new jobs are lions* (*công việc mới là những con sư tử*), *talents are draft horses* (*tài năng là những con ngựa kéo*).

2.2. Tương tự, tuy không phổ biến bằng miền nguồn động vật, miền nguồn thực vật cũng được các chính trị gia Mỹ sử dụng theo những cách khác nhau, trong đó gốc của cây thường được nhận thức và biện giải như một bộ phận rất quan trọng.

Ví dụ 3: “The peace we seek can not be born of fear alone: it must be **rooted** in the lives of nations.” (Tạm dịch: *Nền hòa bình mà chúng ta theo đuổi không thể sinh ra từ nỗi sợ hãi, mà nó phải **bám rễ** trong cuộc sống của các quốc gia.*) (Eisenhower, D., *Second Inaugural Address*, 20/01/1957)

Ví dụ 4: “Radical Islamic terrorism, which we will **eradicate** completely.” (Tạm dịch: *Chúng ta sẽ **diệt tận gốc** Chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo cực đoan.*) (Donald Trump, *Inaugural Address*, 20/1/2017)

Các từ như *root* (*bám rễ*) và *eradicate* (*nhổ rễ*) nằm trong trường từ vựng thực vật. Tuy nhiên, Eisenhower ý niệm hóa mối quan hệ hòa bình giữa các quốc gia trong cộng đồng thế giới như cây cối, phải bám rễ thật sâu vào cuộc sống của người dân và phải được nuôi dưỡng bằng khát khao tự do chứ không phải bằng nỗi sợ hãi. Trong khi, Donald Trump lại nhận thức, Chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo cực đoan như cỏ dại, cần phải nhổ tận gốc. Hiển nhiên, các cách lập thức này liên quan đến kinh nghiệm luận và rất gần gũi với nhận thức của người Việt. Xa hơn, có thể kể đến các ẩn dụ quen thuộc trong tiếng Anh như: *politics as plants* (*chính trị là thực vật*), *terrorism is a weed* (*chủ nghĩa khủng bố là cỏ dại*) và *peace is plant* (*hòa bình là cây cối*).

3. Miền nguồn Máy móc

Sản xuất của phương Tây nói chung, sản xuất của Hoa Kỳ nói riêng gắn liền với nền công nghiệp. Do vậy, trong những biểu thức tiếng Anh biểu đạt các quan hệ trong một chính thể, thường ít nhiều nhắc đến máy móc. Theo quan sát của chúng tôi, các ẩn dụ sau đây là rất phổ biến trong diễn ngôn chính trị Mỹ: *nation is a machine* (quốc gia là một cỗ máy), *politics is a machine* (chính trị là một cỗ máy), *the political system is a machine* (thể chế chính trị là một cỗ máy), *solving problems is fixing a machine* (giải quyết vấn đề là sửa chữa một cỗ máy).

Ví dụ 5: “To **fix** the system so it works justly for each and every American.” (Tạm dịch: Phải **sửa đổi** hệ thống chính trị để nó chỉ phục vụ cho người dân Mỹ.) (Donald Trump, *Nomination Acceptance Speech*, 22/7/2016)

Ví dụ 6: “But another **engine** of strong growth should be comprehensive immigration reform.” (Tạm dịch: Một **động cơ** tăng trưởng mạnh mẽ khác là cải cách nhập cư toàn diện). Hillary Clinton, *Building the Growth and Fairness Economy*, 13/6/2015).

Cả hai ý niệm *fix* và *engine* đều liên quan đến ẩn dụ xuất phát từ miền nguồn là máy móc. Tuy nhiên, nếu để ý, nhất là khi liên hệ đến những ẩn dụ liên quan đến cùng một chủ đề, có thể thấy về mặt sử dụng chữ nghĩa của Donald Trump rất khác với Hillary Clinton. Quả, như nhiều nhà ngôn ngữ học đã nhận xét, có khi là vô thức, nhưng con người sống và hành động là theo những ẩn dụ ý niệm mà họ thụ đắc trong những hoàn cảnh và nghề nghiệp khác nhau. Đây là một nhận xét thú vị nhưng trong khuôn khổ một bài báo ngắn không cho phép chúng tôi trình bày kỹ hơn.

4. Miền nguồn Thể thao

Thể thao là miền nguồn đứng vị trí thứ ba. Nó thường xuất hiện với chủ đề chiến tranh trong các diễn ngôn chính trị, thậm chí có nhiều trường hợp lại được ánh xạ về cùng một miền đích. Điều này giải thích được bởi vì trong nhận thức của nhân loại, tuy bản chất, tầm vóc và mức độ cạnh tranh của thể thao và chiến tranh khác nhau nhưng về tri nhận, có thể xuất phát từ cách kiến tạo thông qua miền nguồn cụ thể, vật chất, hữu hình, nhiều trải nghiệm để hiểu miền đích trừu tượng, phi vật chất, vô hình và ít trải nghiệm. Do vậy, trong diễn ngôn chính trị Mỹ đã hình thành các ẩn dụ *politics is sports* (chính trị là thể thao), *politics is war* (chính trị là chiến tranh), *sports (politics) is a game* (competition) (thể thao là một cuộc thi). Liên quan đến vấn đề đang bàn có thể nhắc đến các ẩn dụ bậc dưới như: *presidential elections are sports games* (tranh cử tổng thống là trận thi đấu thể thao), *international conflicts are sports games* (xung đột quốc tế là trận thi đấu thể thao) và *internal conflict is sports* (xung đột nội bộ là thể thao). Tại đây, xin phân tích một số ẩn dụ ý niệm liên quan đến các diễn ngôn tranh cử của Tổng thống Donald Trump.

Ví dụ 7: “I think **beating** Obama would have been a much easier one than the one that’s coming up, which is sad to say but true.” (Tạm dịch: Tôi nghĩ rằng **đánh bại** Obama

sẽ dễ dàng hơn nhiều so với trận đấu sắp đến, điều này thật đáng buồn nhưng đúng là như vậy.) (Donald Trump, *Iowa Freedom Summit*, 24/01/2015)

Ví dụ 8: “Iran is taking over Iraq, and they’re taking it over **big league**.” (Tạm dịch: *Iran đang tiếp quản Iraq và họ đang tiếp quản một giải đấu lớn.*) (Donald Trump, *Presidential Announcement Speech*, 16/6/2015)

Donald Trump kiến tạo ý niệm tranh cử như một cuộc chạy đua marathon trong thể thao, trong đó các chính trị gia tham gia cuộc đua phải thi đấu với nhau và kết quả là có người thắng người thua. Người có nhiều phiếu bầu của đại cử tri hơn là người chiến thắng trong cuộc chạy đua vào Nhà trắng. Bên cạnh đó, Donald Trump cũng nhìn nhận xung đột quốc tế như những giải thi đấu thể thao lớn, trong đó có nhiều bên tham gia và họ phải giành giật lợi ích (công việc, tiền bạc, quân đội...) về cho đất nước mình giống như cầu thủ phải giành lại bóng từ đối phương trong bất kì trận thi đấu thể thao nào.

Thực tế chỉ ra rằng, ở các nước phương Tây nói chung và ở nước Mỹ nói riêng, các chính trị gia xem việc tranh cử giữa các đảng phái, giữa các ứng viên như là những trận thi đấu thể thao thực thụ, và xa hơn nữa là một cuộc chiến tranh giành quyền lực. Đặc điểm này hoàn toàn khác với sự vận hành của thể chế chính trị Việt Nam. Đây cũng là căn cứ để giải thích về sự dị biệt, độ đậm/nhạt trong việc lựa chọn miền nguồn thể thao để ánh xạ lên miền đích chính trị ở phương Tây.

5. Miền nguồn Thời tiết

Chủ đề thời tiết cũng thường được sử dụng trong diễn ngôn chính trị. Do quan niệm *circumstances are weather* (hoàn cảnh/tình trạng là thời tiết), *social condition is weather* (điều kiện xã hội là thời tiết) cho nên mọi hiện tượng hữu quan như sương mù, **giông bão**, mưa gió, sấm chớp... đều có thể là những miền nguồn cụ thể để tri nhận những vấn đề phức tạp của xã hội và chính trị.

Ví dụ 9: “There are times when the future seems thick as a **fog**; you sit and wait, hoping the **mists** will lift and reveal the right path.” (Tạm dịch: *Có những lúc tương lai mờ mịt như **sương mù** dày đặc; bạn chỉ biết ngồi và chờ đợi, hi vọng **sương mù** tan dần và hiện ra con đường đi đúng phía trước.*) (George H. W. Bush, *Inaugural Address*, 20/01/1989)

Ví dụ 10: “**A new breeze** is blowing and a nation refreshed by freedom stands ready to push on. There is new ground to be broken and new action to be taken.” (Tạm dịch: *Một làn gió mới đang nhẹ thổi và một quốc gia được thay da đổi thịt nhờ vào tự do sẵn sàng tiếp bước. Cần bắt tay vào triển khai những công trình mới và thực hiện những hành động mới.*) (George H.W. Bush, *Inaugural Address*, 20/01/1989)

Ở ví dụ 9, từ *path* khiến ta liên tưởng đến ẩn dụ phổ biến *life is a journey* (cuộc đời là một cuộc hành trình), *fog* biểu trưng cho khó khăn, còn trong ví dụ 10 *new breeze* lại biểu trưng cho sự lạc quan, hi vọng.

Như vậy, tùy theo nhu cầu biểu đạt, các ẩn dụ có thể được xây dựng trên trường nghĩa tốt, mà cũng có thể được hình thành trên trường nghĩa xấu. Có thể thấy, đặc điểm này không khác gì trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt. Có điều, biểu đạt thời tiết tốt xấu; chính trị, đường lối chính sách thuận lợi hay khó khăn trong tiếng Việt thường gắn liền với hoạt động sông biển, chẳng hạn: thuận buồm xuôi gió, biển lặng sóng êm, xuôi chèo mát mái... lên thác xuống ghềnh, gió dập sóng dồi, thuyền chèo ngược nước... Đặc điểm này, theo quan sát bước đầu của chúng tôi, không được thể hiện rõ trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh Mỹ.

6. Miền nguồn Sức khỏe

Trong các miền nguồn mà bài viết khảo sát, có thể nói sức khỏe là miền nguồn tương đối phức tạp. Nó được làm căn cứ để ánh xạ lên nhiều miền đích khác nhau, có thể kể các miền đích tương ứng thường gặp sau đây: hoàn cảnh xã hội, kinh tế, đường lối chính sách và phần lớn là các vấn nạn của xã hội như đói nghèo, kì thị chủng tộc... Có thể nhắc đến các ẩn dụ như: *good condition is good health* (điều kiện tốt là sức khỏe tốt), *problem is illness/pain* (vấn nạn là bệnh tật/nỗi đau), *improvement is medical treatment* (đổi mới là liệu thuốc điều trị), *evaluation is diagnosis* (đánh giá sự tình là chẩn đoán bệnh tật).

Ví dụ 11: “Many in our country do not know the **pain** of poverty, but we can listen to those who do.” (Tạm dịch: Nhiều người Mỹ không biết được **nỗi đau** của nghèo đói, nhưng chúng ta có thể lắng nghe những người quan tâm đến nó.) (George W. Bush, *First Inaugural Address*, 20/01/2001)

Ví dụ 12: “When that first cocaine was smuggled in on a ship, it may as well have been a deadly bacteria, so much has it **hurt** the **body**, the **soul** of our country.” (Tạm dịch: Ma túy được buôn lậu vào nước Mỹ giống như vi khuẩn gây chết người, nó làm **tổn thương thể xác và tinh thần** của quốc gia.) (George H.W. Bush, *Inaugural Address*, 20/01/1989)

Cả ví dụ 11 lẫn ví dụ 12 đều xuất phát từ miền nguồn là sức khỏe để ánh xạ lên các miền đích là tình trạng của xã hội Mỹ. Khái quát nhất, có thể kể đến ẩn dụ: *Thể chế chính trị/Đường lối chính sách/Vấn nạn xã hội là thể trạng của một con người*, do vậy không lạ khi cả hai tác giả đều đề cập nỗi đau của nghèo đói, vết thương của quốc gia. Thông qua những biểu đạt cụ thể như đói nghèo, nỗi đau, bệnh tật, thương tích... để chỉ những vấn đề trừu tượng của xã hội, rõ ràng là gây được ấn tượng và để khắc sâu trong tâm trí của người đọc.

7. Kết luận

Với cách tiếp cận như bài viết này, bên cạnh việc chỉ ra các kết cấu của ẩn dụ ý niệm, có thể khảo sát, miêu tả và cả giải thích vai trò của các miền nguồn trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh. Hiển nhiên, việc lựa chọn nguồn theo phạm trù nào, là có lí do kinh nghiệm, văn hóa, độ nổi trội và sự chú ý của người bản ngữ. Trên cơ sở này, có thể nghiên cứu mở rộng thêm để giải thích sự lựa chọn các miền đích hữu quan. Xa hơn, với số lượng sưu tập đủ lớn, có thể tiến hành so sánh tương quan ánh xạ nguồn – đích trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh và tiếng Việt để tìm ra các điểm tương đồng và khác biệt. Từ đó, có thể giúp cho việc soạn thảo, giảng dạy và biên – phiên dịch diễn ngôn chính trị sát với yêu cầu thực tế trong quá trình hội nhập hiện nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Deigman, A. (1995). *English Guides 7: Metaphor*. HarperCollins Publishers.
- Kövecses, Z. (2005). *Metaphor in Culture Universality and Variation*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Kövecses, Z. (2010). *Metaphor: A Practical Introduction* (2nd Ed.). Oxford: Oxford University Press.
- Nguyen Xuan Hong (2017). A direction to research Vietnamese political discourse [Về một hướng nghiên cứu diễn ngôn chính trị tiếng Việt]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 14(5), 77-83.
- Nguyen Xuan Hong (2018). Conceptual metaphors in Vietnamese and English political discourse [An du y niem trong dien ngon chinh tri tieng Viet va tieng Anh]. *International Conference on Linguistic issues in Vietnam and Southeast Asia*, National University of Viet Nam – Ho Chi Minh, University of Social Sciences and Humanities, December 2018.
- Trinh Sam (2016a). Universal and specific through a number of conceptual sources [Pho quat va dac thu thong qua mot so mien y niem nguon]. *Journal of Linguistics*, 10(329), 23-34.
- Trinh Sam (2016b). Conceptual metaphor and remaining problems [An du y niem va nhung van de con lai]. *Journal of Linguistics and Life*, 12(254), 1-5.
- Trinh Sam (2019). Experientialism theory from Vietnamese practice [Li thuyet nghiem than nhin tu thuc tien tieng Viet]. *Journal of Linguistics*, 1(356), 24-38.
- Urbonaitė, J. & Šeškauskienė, I. (2007). *HEALTH Metaphor in Political and Economic Discourse: a Cross-Linguistic Analysis*. Studies About Languages, (11).
- Zolnowska, I. (2011). Weather as the source domain for metaphorical expressions, *Avant. The Journal of the Philosophical-Interdisciplinary Vanguard*, 2(1).

ABOUT SOME COMMON SOURCE DOMAINS IN AMERICAN ENGLISH POLITICAL DISCOURSE

Nguyen Xuan Hong

Industrial University of Ho Chi Minh City

Corresponding author: Nguyen Xuan Hong – Email: nguyensexuanhong@iuh.edu.vn

Received: August 29, 2019; Revised: September 18, 2019; Accepted: October 15, 2019

ABSTRACT

The article describes and comments on some common source domains in American political discourse in order to clarify the role of source domains in controlling the way of categorization and conceptualization through conceptual metaphors. Survey results of 257 metaphors in 57 American political discourses show that the source domain of animals and plants has the most metaphorical expressions, followed by the source domains of machines, sports, weather and health respectively.

Keywords: metaphor; source domain; political discourse; categorization; conceptualization